CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 15/01/2024	3,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.9%	**-2.5%**	**-**

DT thuần
Q4/23
46.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 31.0| 198%
YoY: ▲ 21.6| 86.1%

LN thuần
Q4/23
-12.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.60| 43.5%
YoY: ▼0.60| -5.3%

LN sau thuế
Q4/23
-19.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 17.1%
YoY: ▼6.40| -48.7%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-41.4%
YoY: +/-▼ 30.6%

ROE
2023
-22.9%
YoY: +/-▼ 11.5%

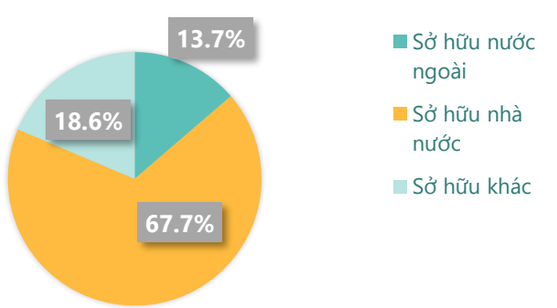
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	135
Số lượng CPLH (CP)	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,520
Sở hữu nước ngoài	13.7%
Beta	1.32
EPS	-1,931
P/E	-2.0

DT thuần
2023
96.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.0| -26.9%

LN thuần
2023
-62.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.5| -69.4%

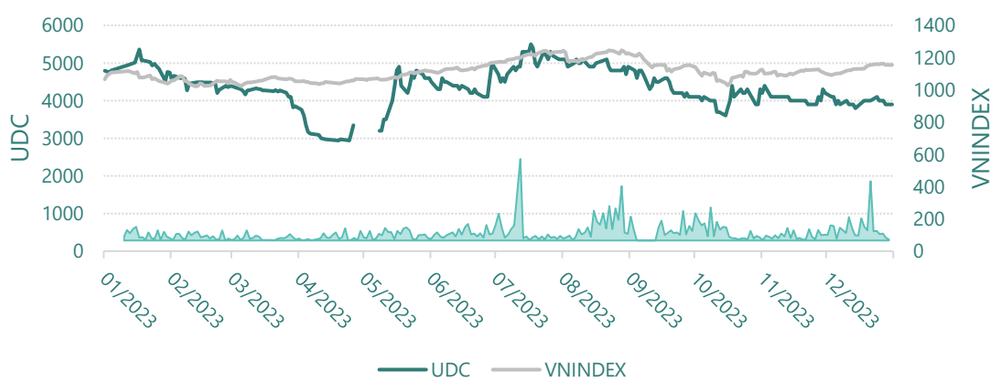
LN sau thuế
2023
-72.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼31.9| -79.1%

Cơ cấu sở hữu

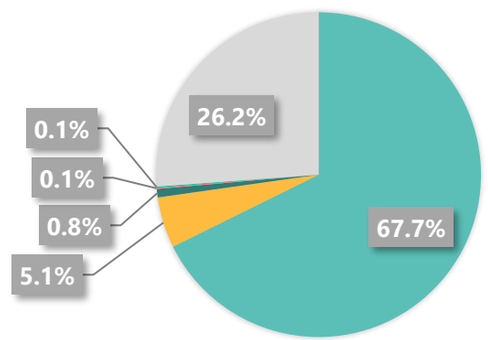


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

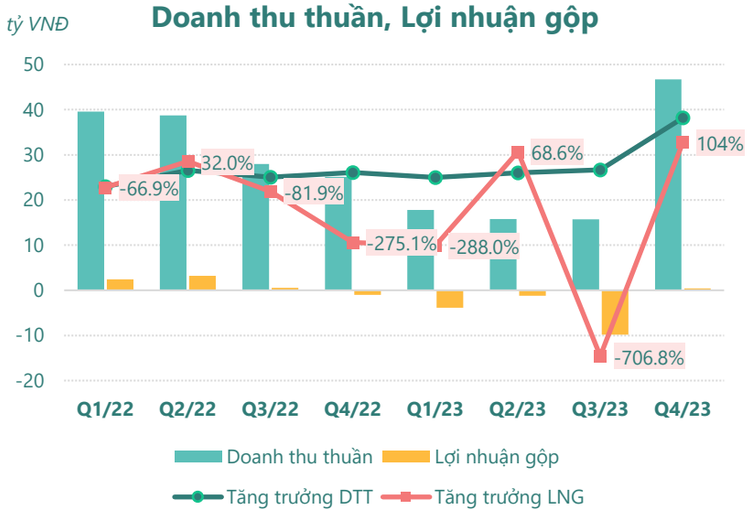


UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
NH Investment & Securities Co., Ltd
CTCP Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Trần Thái Hòa (Chủ tịch HĐQT)
Nguyễn Thế Thường
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

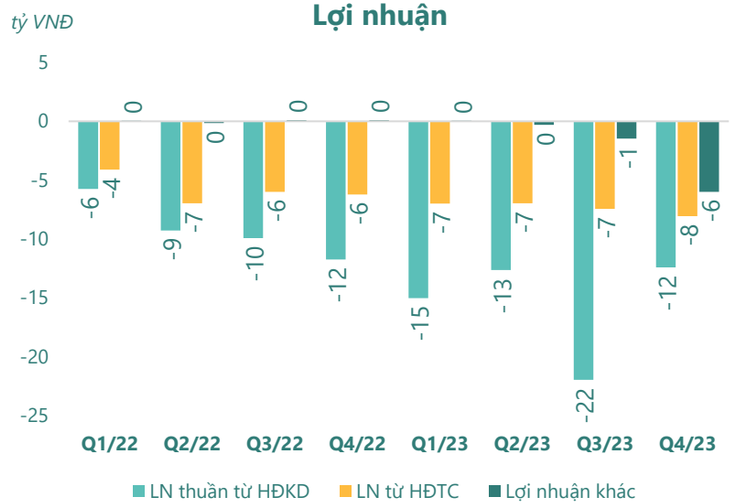
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



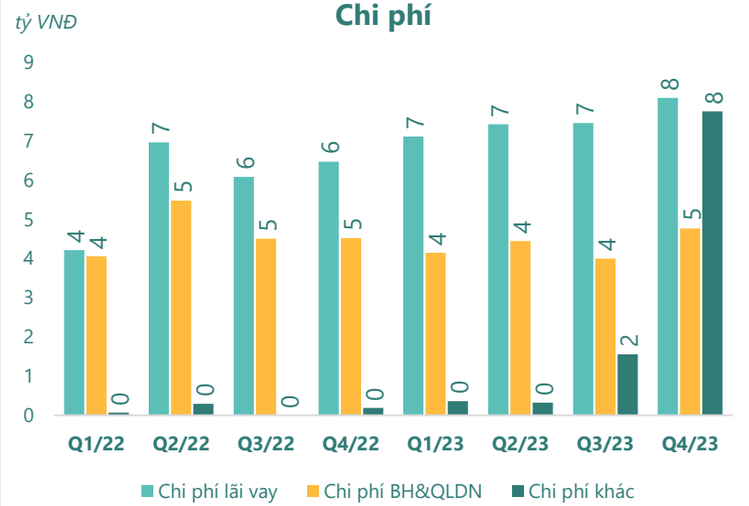
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



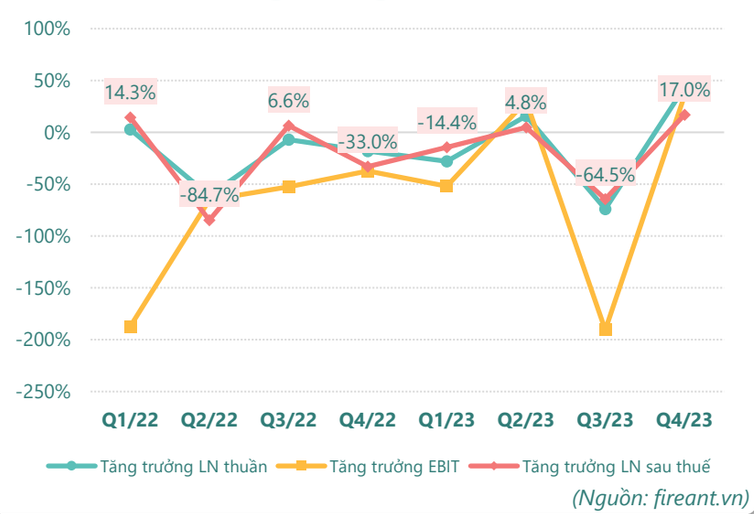
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



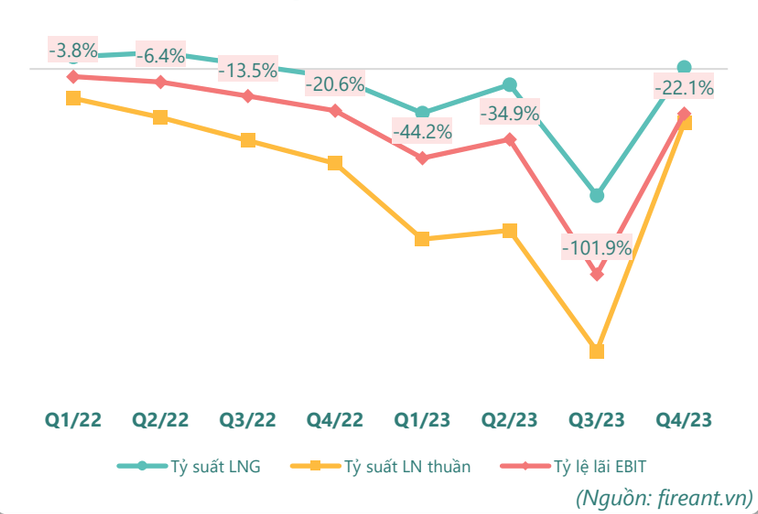
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



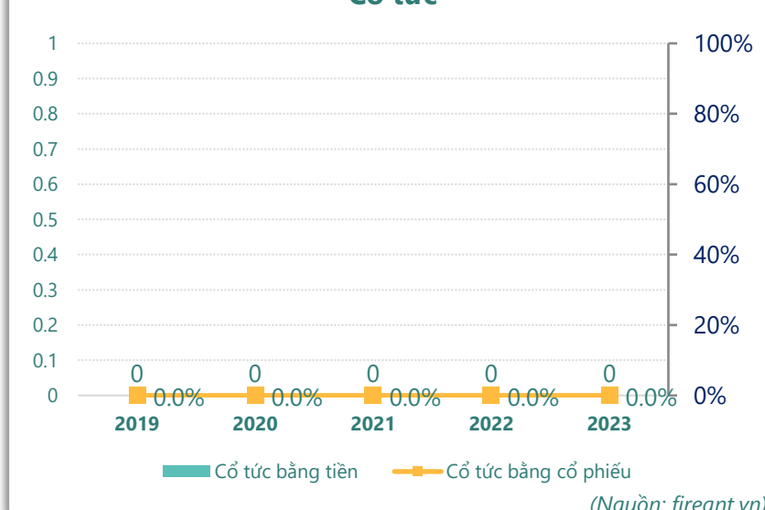
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

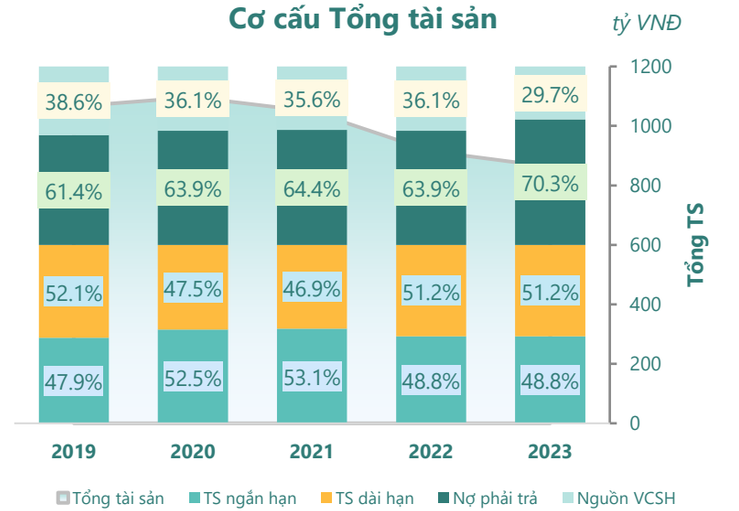
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

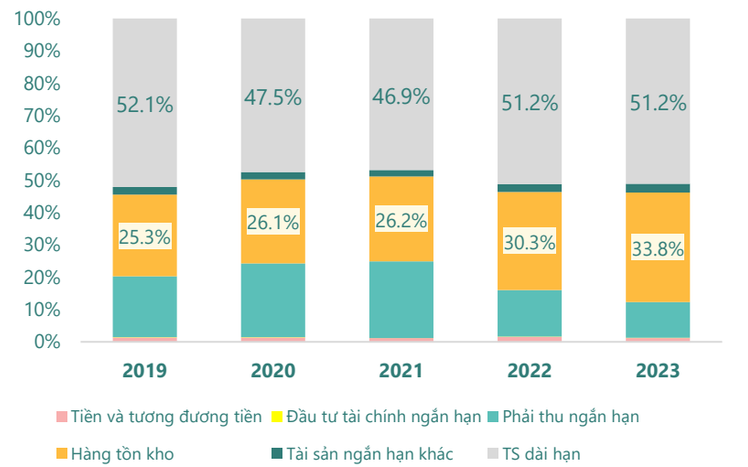
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



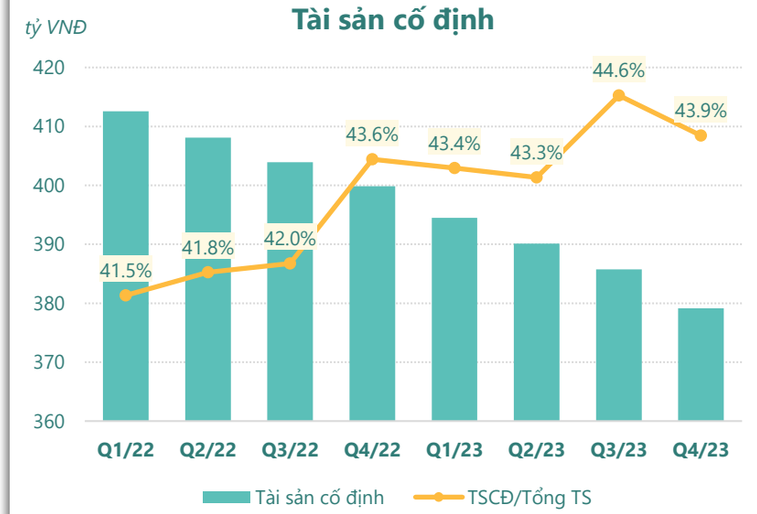
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



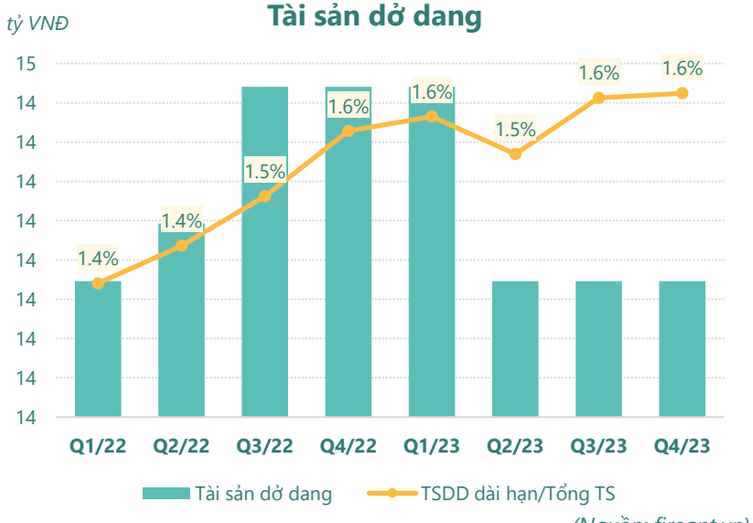
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



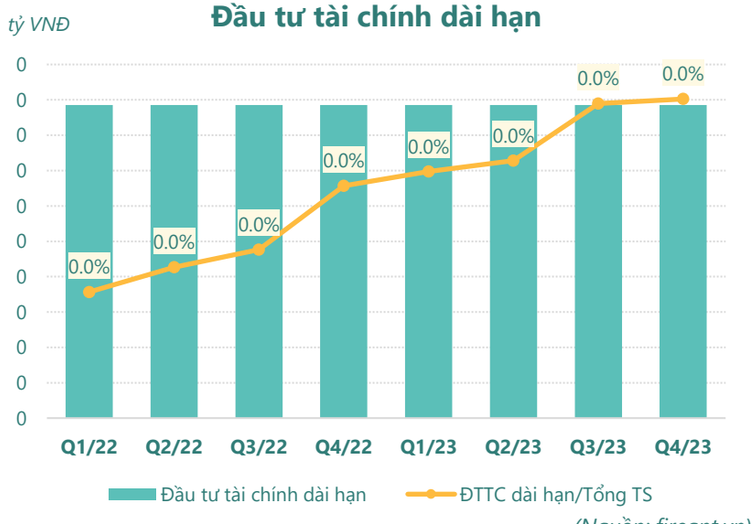
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



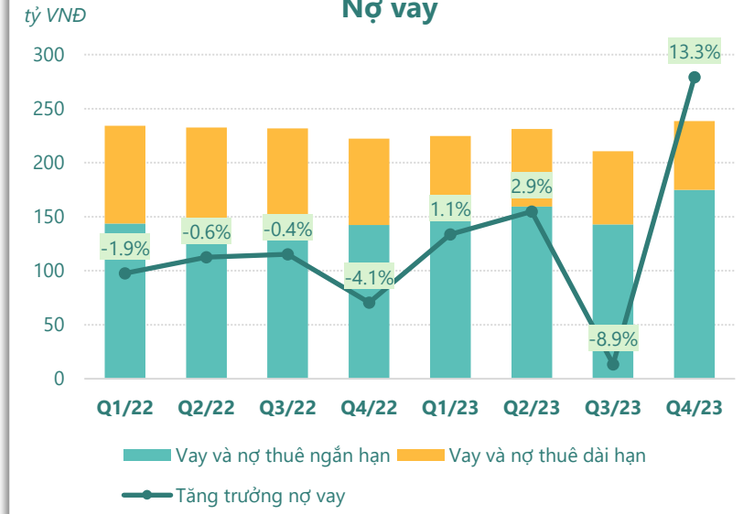
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

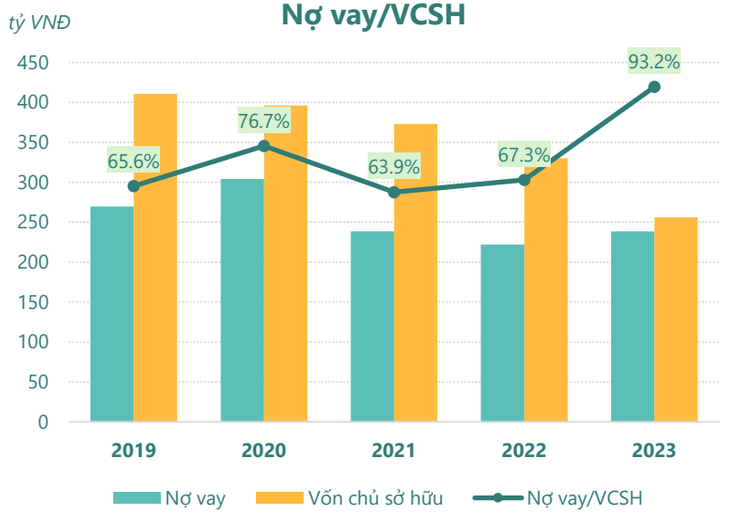
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



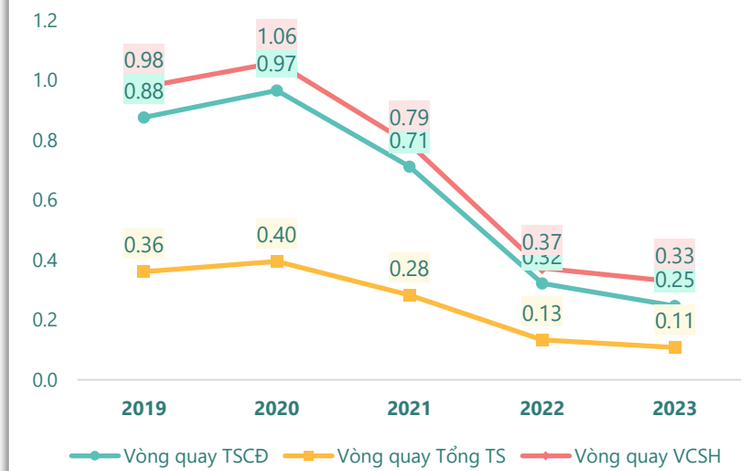
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



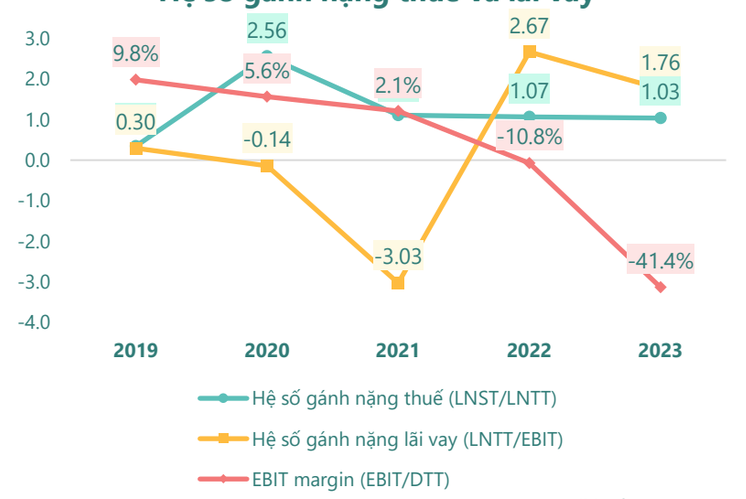
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



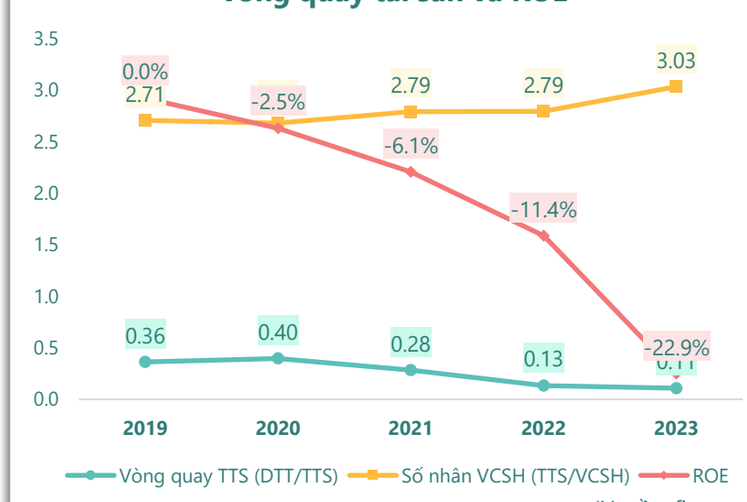
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



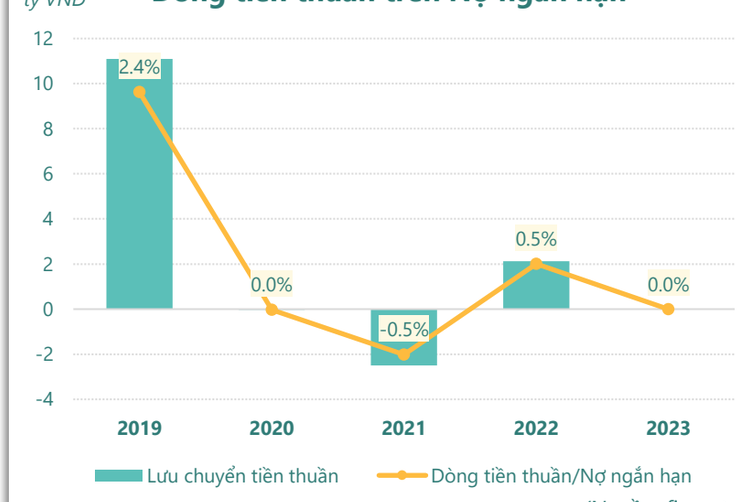
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**46.7**	**25.1**	**86.1%**	**96.0**	**131**	**-26.9%**
Giá vốn hàng bán	46.3	26.1	77.5%	111	126	-12.4%
Lợi nhuận gộp	0.40	-1.00	140%	-14.6	4.95	-394%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.08	-43.9%	1.38	0.25	464%
Chi phí TC	8.10	6.31	28.4%	30.8	23.6	30.8%
Chi phí lãi vay	8.10	6.47	25.2%	30.1	23.6	27.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.65	0.74	-12.3%	2.60	2.89	-10.2%
Chi phí QLDN	**4.12**	**3.79**	**8.7%**	**14.8**	**15.4**	**-4.0%**
LN thuần từ HĐKD	-12.4	-11.8	-5.3%	-62.1	-36.6	-69.4%
Lợi nhuận khác	**-6.01**	**0.10**	**-6107%**	**-7.74**	**-1.07**	**-624%**
LN trước thuế	-18.4	-11.7	-57.5%	-69.8	-37.7	-85.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-19.5**	**-13.1**	**-48.7%**	**-72.2**	**-40.3**	**-79.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-16.5**	**-13.1**	**-25.9%**	**-67.0**	**-40.1**	**-67.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.33	12.2	22.3	-5.85	-4.09	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.16	0.24	0.50	0.28	0.54	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.91	-9.53	2.53	6.53	-23.7	0
Tiền đầu kỳ	16.5	11.4	14.1	39.5	40.7	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.08**	**2.94**	**25.4**	**0.95**	**-27.2**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.4	14.3	39.5	40.7	13.5	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**863**	**914**	**-5.6%**
Tài sản ngắn hạn	421	446	-5.5%
Tiền và tương đương tiền	10.2	14.3	-29.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	0.40	0.0%
Phải thu ngắn hạn	95.7	132	-27.4%
Hàng tồn kho	292	277	5.3%
Tài sản ngắn hạn khác	23.3	22.2	5.2%
Tài sản dài hạn	**441**	**468**	**-5.8%**
Phải thu dài hạn	7.72	7.72	0.0%
Tài sản cố định	379	399	-4.9%
Bất động sản đầu tư	36.1	42.2	-14.5%
Tài sản dở dang	13.9	14.4	-3.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.54**	**5.18**	**-12.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	607	584	3.9%
Nợ ngắn hạn	**471**	**423**	**11.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	142	22.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	76.5	85.4	-10.4%
Nợ dài hạn	136	161	-15.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	63.8	79.9	-20.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**256**	**330**	**-22.4%**
Vốn chủ sở hữu	**256**	**330**	**-22.4%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)